

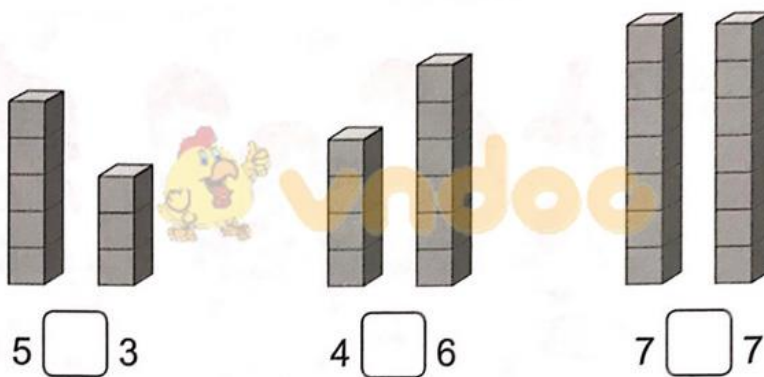
Giải Vở bài tập Toán lớp 1 Bài 11: Luyện tập

Bản quyền thuộc về VnDoc.

Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép nhằm mục đích thương mại.

Bài 1 (Vở bài tập Toán lớp 1 trang 23)

Điền dấu $<$, $>$, $=$ thích hợp vào ô trống:

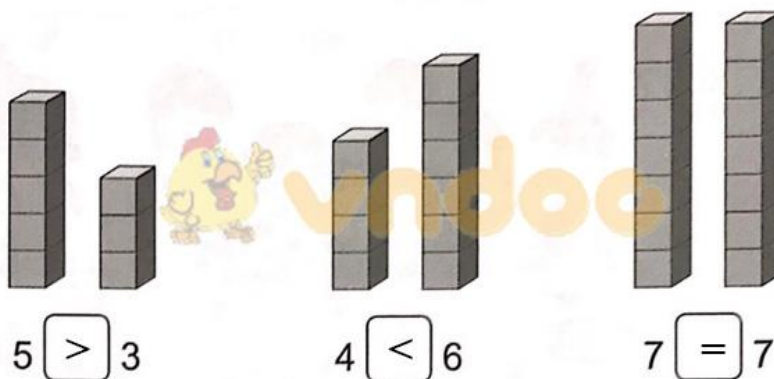


Lời giải

Hình 1: bên trái có 5 ô vuông và bên phải có 3 ô vuông nên dấu cần điền là dấu “ $>$ ”.

Hình 2: bên trái có 4 ô vuông và bên phải có 6 ô vuông nên dấu cần điền là dấu “ $<$ ”.

Hình 3: bên trái có 7 ô vuông và bên phải có 7 ô vuông nên dấu cần điền là dấu “ $=$ ”



Bài 2 (Vở bài tập Toán lớp 1 trang 23)Điền dấu $<$, $>$, $=$ thích hợp vào chỗ trống:

$4 \square 7$

$10 \square 2$

$0 \square 7$

$8 \square 10$

$6 \square 3$

$9 \square 9$

$1 \square 8$

$5 \square 5$

Lời giải:

$4 < 7$

$10 > 2$

$0 < 7$

$8 < 10$

$6 > 3$

$9 = 9$

$1 < 8$

$5 = 5$

Bài 3 (Vở bài tập Toán lớp 1 trang 22)

Viết các số sau:



a, Theo thứ tự từ bé đến lớn

b, Theo thứ tự từ lớn đến bé

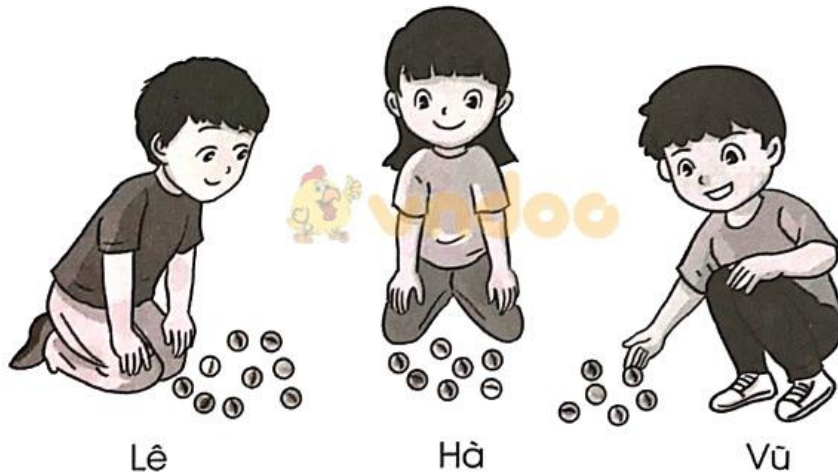
Lời giải:Nhận thấy $4 < 5$; $5 < 8$ và $4 < 8$

a, Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn được: 4, 5, 8

b, Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé được: 8, 5, 4

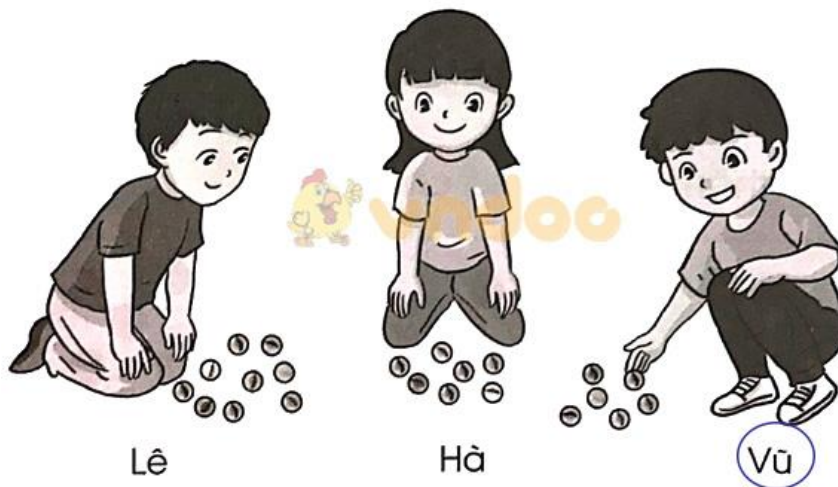
Bài 4 (Vở bài tập Toán lớp 1 trang 23)

Khoanh vào tên bạn có ít viên bi nhất:



Lời giải:

Bạn Lê có 9 viên bi. Bạn Hà có 7 viên bi. Bạn Vũ có 6 viên bi. Bạn Vũ là bạn có ít viên bi nhất.



Tải thêm tài liệu tại:

<https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-1>